

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – SÔNG LAM
SAI GON – SONG LAM BEER
JOINT STOCK COMPANY**

Số/ No.: 04 /2025/CBTT-BSGSL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Liberty - Happiness**

Nghệ An, ngày 15 tháng 01 năm 2025

Nghệ An, January 15, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
INFORMATION DISCLOSURE
FINANCIAL STATEMENT**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To:

- The State Securities Commission
- Hanoi Stock Exchange

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Pursuant to Clause 3, Article 14 of Circular no. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance providing guidelines on disclosure of information on securities market.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Sai Gon – Song Lam Beer Joint Stock Company discloses the Q4 of 2024 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam

Organization's name: Sai Gon – Song Lam Beer Joint Stock Company

- Mã chứng khoán/ Stock symbol: BSL
- Địa chỉ: Khối 1, xã Hưng đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
Address: Block 1, Hung Dao commune, Hung Nguyen district, Nghe An province.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 038 3587200
- Email: biasaigonsonglam@yahoo.com.vn; Website: <https://sasobeco.com.vn>.

2. Nội dung thông tin công bố/ Information to be disclosed:

- BCTC Quý 4 năm 2024.
The financial statements Q4 of 2024.



- ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate financial statements (Listed organization has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

- ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated financial statements (Listed organization has subsidiaries);

- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

General financial statements (Listed organization has an affiliated accounting unit that organizes its own accounting apparatus).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases subject to explanation of reasons

- Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

The auditing organization gives an opinion that is not a full acceptance opinion on the financial statements (for audited financial statements):

Có/ Yes

☐

Không/ No

☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Written explanation if tick "Yes"

Có/ Yes

☐

Không/ No

☒

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

Profit after tax in the reporting period has a difference of 5% or more before and after the audit, from loss to profit or vice versa (for audited financial statements):

Có/ Yes

☐

Không/ No

☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Written explanation if tick "Yes"

Có/ Yes

☐

Không/ No

☒

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Profit after corporate income tax in the business performance results report of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period report of the previous year

Có/ Yes

☒

Không/ No

☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Written explanation if tick "Yes"

Có/ Yes

☒

Không/ No

☐

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:



Profit after tax in the reporting period is lost, converted from profit in the same period last year to loss in this period or vice versa:

Có/ Yes ☐

Không/ No ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Written explanation if tick "Yes"

Có/ Yes ☐

Không/ No ☒

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 15/01/2025 tại đường dẫn: <https://sasobeco.com.vn>.

This information is disclosed on the company's website on January 15, 2025 at <https://sasobeco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

We hereby declare that all information provided above is true and accurate and shall be legally responsible for the accuracy of our information disclosure.

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- BCTC quý 4 năm 2024.
The financial statements Q4 of 2024.

Đại diện tổ chức

Organization Representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
Legal Representative/ Authorized person to disclose information



Đặng Việt Cường



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo tài chính Quý 4 Năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 271110000018 ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận 2703001077 ngày 20 tháng 12 năm 2006
Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 5 tháng 9 năm 2023

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần. lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 5 tháng 9 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Tan Teck Chuan Lester	Chủ tịch (từ ngày 5 tháng 10 năm 2023)
	Ông Neo Gim Siong Bennett	Chủ tịch (đến ngày 4 tháng 10 năm 2023)
	Ông Văn Thanh Liêm	Thành viên
	Ông Cao Thanh Bích	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên
	Ông Võ Phước Giàu	Thành viên (từ ngày 14 tháng 10 năm 2024)
	Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa	Thành viên (đến ngày 14 tháng 10 năm 2024)
Ban Kiểm soát	Ông Lê Xuân Sơn	Thành viên (đến ngày 11 tháng 4 năm 2023)
	Bà Hoàng Thanh Vân	Trưởng ban
	Bà Nguyễn Thanh Thủy	Thành viên
	Bà Lưu Thanh Thảo	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Hồng Anh	Giám đốc
	Ông Trần Quang Trung	Phó Giám đốc
	Ông Văn Bá Thi	Kế toán trưởng
Trụ sở đăng ký	Khối 1. Xã Hưng Đạo Huyện Hưng Nguyên Tỉnh Nghệ An Việt Nam	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		440.197.213.745	386.099.782.224
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	50.433.344.833	28.575.511.984
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	9	259.500.000.000	249.717.653.857
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		259.500.000.000	249.717.653.857
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.403.538.455	42.794.167.861
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	42.436.283.535	38.594.478.260
Trả trước ngắn hạn cho người bán	132		352.803.776	213.671.266
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	2.614.451.144	3.986.018.335
Hàng tồn kho	140	12(a)	84.075.332.330	64.250.105.470
Hàng tồn kho	141		84.772.144.928	64.721.231.901
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(696.812.598)	(471.126.431)
Tài sản ngắn hạn khác	150		784.998.127	762.343.052
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		784.998.127	390.653.530
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	371.689.522
TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		201.183.681.329	270.832.526.428
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		187.674.787.566	257.971.838.666
TSCĐ hữu hình	221	13	187.612.814.442	257.970.046.559
Nguyên giá	222		1.300.488.350.881	1.293.531.539.850
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.112.875.536.439)	(1.035.561.493.291)
TSCĐ vô hình	227	14	61.973.124	1.792.107
Nguyên giá	228		380.862.152	303.930.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(318.889.028)	(302.137.893)
Tài sản dở dang dài hạn	240		241.039.091	4.041.157.990
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	241.039.091	4.041.157.990
Tài sản dài hạn khác	260		13.237.854.672	8.789.529.772
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	6.059.357.056	708.114.502
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.346.262.609	2.294.335.615
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12(b)	4.832.235.007	5.787.079.655
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		641.380.895.074	656.932.308.652

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		133.146.238.020	154.067.624.035
Nợ ngắn hạn	310		132.974.238.020	153.416.993.635
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	21.186.921.920	16.204.745.318
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	97.167.571.524	102.171.228.035
Phải trả người lao động	314		2.261.149.994	2.341.137.385
Chi phí phải trả	315	19	5.589.389.521	7.753.698.596
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.746.205.061	4.180.877.501
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	-	17.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	4.023.000.000	3.765.306.800
Nợ dài hạn	330		172.000.000	650.630.400
Phải trả dài hạn khác	337		-	500.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		172.000.000	150.630.400
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		508.234.657.054	502.864.684.617
Vốn chủ sở hữu	410	23	508.234.657.054	502.864.684.617
Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		51.718.461.039	46.348.488.602
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.377.762.775	16.728.844.825
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.340.698.264	29.619.643.777
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		641.380.895.074	656.932.308.652

Ngày tháng 01 năm 2025

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến	
			2024	2023	31/12/2024	31/12/2023
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	01	28	256.581.069.263	218.824.762.906	935.030.033.556	809.156.113.830
Giá vốn hàng bán	11	29	236.536.449.802	203.559.250.012	878.826.373.969	762.442.770.131
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		20.044.619.461	15.265.512.894	56.203.659.587	46.713.343.699
Doanh thu HĐ tài chính	21	30	3.472.124.469	3.443.959.323	11.780.142.818	14.292.458.835
Chi phí tài chính	22		-	275.019.179	990.326.026	735.786.303
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	275.019.179	990.326.026	735.786.303
Chi phí bán hàng	25		350.359.459	-	1.263.270.614	-
Chi phí quản lý DN	26	31	3.919.174.441	2.958.829.310	14.991.709.389	17.405.844.312
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		19.247.210.030	15.475.623.728	50.738.496.376	42.864.171.919
Thu nhập khác	31		-	33.282.852	3.724.466	45.203.693
Chi phí khác	32		-	618.750.000	-	711.685.880
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		-	(585.467.148)	3.724.466	(666.482.187)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.247.210.030	14.890.156.580	50.742.220.842	42.197.689.732
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	4.384.907.451	3.698.881.967	10.430.449.572	9.094.788.034
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(305.387.036)	(334.351.079)	(51.926.994)	(196.742.079)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	60		15.167.689.615	11.525.625.692	40.363.698.264	33.299.643.777
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	315	236	808	658

Ngày tháng 01 năm 2025

Người lập:

Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	31/12/2024 VND	Quý 4 kết thúc ngày 31/12/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	50.742.220.842	42.197.689.732
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	77.330.794.283	77.907.438.909
Các khoản dự phòng	03	281.004.586	962.340.798
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(11.780.142.818)	(14.292.458.835)
Chi phí lãi vay		990.326.026	735.786.303
Xóa sổ	06	-	562.500.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	117.564.202.919	108.073.296.907
Biến động các khoản phải thu	09	(3.942.139.031)	(19.809.446.111)
Biến động hàng tồn kho	10	(19.130.017.198)	4.566.104.792
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(8.358.240.164)	19.356.439.177
Biến động chi phí trả trước	12	1.340.235.310	(466.005.844)
		87.474.041.836	111.720.388.921
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.018.690.410)	(739.641.097)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.744.424.088)	(4.609.026.273)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.236.032.627)	(4.282.343.297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	73.474.894.711	102.089.378.254
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(5.729.426.974)	(5.244.583.872)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(565.300.000.000)	(228.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	25	555.517.653.857	156.897.534.247
Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.226.311.255	4.515.658.048
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.285.461.862)	(71.831.391.577)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	314.000.000.000	310.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(331.000.000.000)	(293.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(32.331.600.000)	(30.770.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(49.331.600.000)	(13.770.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	21.857.832.849	16.487.186.677
Tiền đầu kỳ	60	28.575.511.984	12.088.325.307
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	50.433.344.833	28.575.511.984

Ngày tháng 01 năm 2025

Người lập:

Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính quý 4 đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 421/QĐ-SGDHN ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã giao dịch là BSL.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 176 nhân viên (1/1/2024: 179 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính quý 4

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng

cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính quý 3 này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính quý 4 này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Những khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu. thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính quý 4 này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính quý 4 năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia. Hoạt động kinh doanh khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Ban lãnh đạo cho rằng các phân khúc này không bị biến động theo mùa đáng kể.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Khi lập báo cáo tài chính quý 4 này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất cũng như trong báo cáo tài chính quý 3 cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính quý 4 của Công ty cho kỳ quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

7. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.
Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Tiền**

	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	509.235.007	622.640.007
Tiền gửi ngân hàng	49.924.109.826	27.952.871.977
	<u>50.433.344.833</u>	<u>28.575.511.984</u>

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất dao động từ 4,4% đến 5,2% một năm (1/1/2024: từ 4,5% đến 5,2% một năm).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	41.496.087.134	38.028.310.220
Các khách hàng khác	940.196.401	566.168.040
	<u>42.436.283.535</u>	<u>38.594.478.260</u>

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	41.496.087.134	38.028.310.220

Khoản phải thu thương mại từ Công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Lãi tiền gửi phải thu	2.407.060.685	3.884.998.291
Ký quỹ	15.000.000	15.000.000
Khác	192.390.459	86.020.044
	<u>2.614.451.144</u>	<u>3.986.018.335</u>

12. Hàng tồn kho**(a) Hàng tồn kho**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	8.015.624.857		130.840.000	-
Nguyên vật liệu	34.876.013.780		24.375.349.346	-
Công cụ và dụng cụ	947.273.102	(696.812.598)	1.944.494.833	(471.126.431)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.451.361.783		21.788.120.304	-
Thành phẩm	16.481.871.406		16.482.427.418	-
	<u>84.772.144.928</u>	<u>(696.812.598)</u>	<u>64.721.231.901</u>	<u>(471.126.431)</u>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Số dư đầu kỳ	704.829.598	2.217.883.784
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(8.017.000)	(6.206.656)
Trích dự phòng trong kỳ	-	151.267.985
Điều chuyển kho	-	(1.891.818.682)
	<u>696.812.598</u>	<u>471.126.431</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	15.694.735.475	(10.862.500.468)	16.615.631.304	(10.828.551.649)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.828.551.649	7.720.488.258
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(1.720.508.154)	(597.079.226)
Trích dự phòng trong kỳ	1.754.456.973	1.813.323.935
Điều chuyển kho	-	1.891.818.682
Số dư cuối kỳ	10.862.500.468	10.828.551.649

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóng Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	223.437.662.362	1.049.189.968.241	7.650.541.526		1.702.052.507	1.293.531.539.850
Tăng trong kỳ	-	5.594.754.590	720.000.000	919.570.000	-	7.234.324.590
Giảm trong kỳ	-	277.513.559	-	-	-	277.513.559
Số dư cuối kỳ	223.437.662.362	1.054.507.209.272	8.370.541.526	12.470.885.214	1.702.052.507	1.300.488.350.881
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	110.611.422.889	905.038.894.909	7.521.719.286	-	1.679.182.257	1.035.561.493.291
Khấu hao trong kỳ	10.506.486.614	66.307.699.083	205.741.931	331.791.580	18.135.000	77.369.854.208
Giảm khác	-	55.811.060	-	-	-	55.811.060
Số dư cuối kỳ	121.117.909.503	971.290.782.932	7.727.461.217	11.042.065.530	1.697.317.257	1.112.875.536.439
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	112.826.239.473	144.151.073.332	128.822.240	841.041.264	22.870.250	257.970.046.559
Số dư cuối kỳ	102.319.752.859	83.216.426.340	643.080.309	1.428.819.684	4.735.250	187.612.814.442

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá là 27.873 triệu VND (1/1/2024: 22.683 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
 Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	303.930.000
Tăng trong kỳ	76.932.152
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	380.862.152
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	302.137.893
Khấu hao trong kỳ	16.751.135
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	318.889.028
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.792.107
Số dư cuối kỳ	61.973.124
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá là 304 triệu VND (1/1/2024: 204 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.041.157.990	608.539.091
Tăng trong kỳ	7.539.084.593	3.995.118.899
Kết chuyển chi phí	(11.339.203.492)	-
Xóa sổ	-	(562.500.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	241.039.091	4.041.157.990
	<hr/>	<hr/>

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	298.001.812	-	410.112.690	708.114.502
Tăng trong kỳ	270.259.093	-	-	270.259.093
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	6.508.352.133	562.598.859	7.070.950.992
Phân bổ trong kỳ	(275.783.685)	(887.305.632)	(826.878.214)	(1.989.967.531)
Số dư cuối kỳ	292.477.220	5.621.046.501	145.833.335	6.059.357.056

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.134.381.466	5.111.323.284
Công ty TNHH Thịnh Đức	543.065.600	2.387.320.000
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	1.209.120.772	766.513.900
Công ty TNHH Krones Việt Nam	-	1.851.505.040
Các nhà cung cấp khác	12.300.354.082	6.088.083.094
	21.186.921.920	16.204.745.318

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.134.381.466	5.111.323.284
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	399.108.280	36.717.463
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	61.398.000	46.656.000
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co	86.108.000	126.694.600

Khoản phải trả thương mại cho Công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóng Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số cần trừ VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	11.351.302.935	116.223.948.076	(117.625.754.230)	(69.191.016.480)	9.949.496.781
Thuế tiêu thụ đặc biệt	87.095.934.996	926.868.238.748	(931.170.665.597)	-	82.793.508.147
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.698.881.967	10.430.449.572	(9.744.424.088)	-	4.384.907.451
Thuế thu nhập cá nhân	25.108.137	1.007.405.002	(992.853.994)	-	39.659.145
Thuế khác	-	854.177.199	(854.177.199)	-	-
	102.171.228.035	1.055.384.218.597	(1.060.387.875.108)	(69.191.016.480)	97.167.571.524

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay	4.223.840.202	4.252.204.586
Chi phí xây dựng	397.108.833	1.934.399.990
Chi phí phải trả khác	968.440.486	1.567.094.020
	<u>5.589.389.521</u>	<u>7.753.698.596</u>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	2.739.900.000	3.391.500.000
Phải trả ngắn hạn khác	6.305.061	789.377.501
	<u>2.746.205.061</u>	<u>4.180.877.501</u>

21. Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		31/12/2024 Giá trị ghi sổ/ Khoản trong khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	17.000.000.000	314.000.000.000	(331.000.000.000)	-

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.765.306.800	3.518.022.260
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23)	4.023.000.000	3.680.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	(529.274.173)	849.627.837
Sử dụng trong kỳ	(3.236.032.627)	(4.282.343.297)
Số dư cuối kỳ	4.023.000.000	3.765.306.800

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	450.000.000.000	6.516.196.015	31.078.472.662	487.594.668.677
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	33.299.643.777	33.299.643.777
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(3.680.000.000)	(3.680.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2022 (Thuyết minh 22)	-	-	(849.627.837)	(849.627.837)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	450.000.000.000	6.516.196.015	46.348.488.602	502.864.684.617
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	450.000.000.000	6.516.196.015	46.348.488.602	502.864.684.617
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	40.363.698.264	40.363.698.264
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(31.500.000.000)	(31.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(4.023.000.000)	(4.023.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2024(Thuyết minh 22)	-	-	529.274.173	529.274.173
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	450.000.000.000	6.516.196.015	51.718.461.039	508.234.657.054

24. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

25. **Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2024 đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (2023: 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 18.000 triệu VND đã được tạm ứng cho cổ đông trong năm 2022).

26. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. **Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	1.239.041.000	1.239.041.000
Từ hai đến năm năm	4.956.164.000	4.956.164.000
Sau năm năm	36.241.949.250	37.480.990.250
	42.437.154.250	43.676.195.250

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2024 VDN	Quý 4 2023 VND	Lũy kế đến 31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	253.326.688.181	217.126.685.929	924.284.512.272	802.893.469.981
▪ Bán phế liệu	3.254.381.082	1.698.076.977	10.745.521.284	6.262.643.849
	256.581.069.263	218.824.762.906	935.030.033.556	809.156.113.830

29. Giá vốn hàng bán

	2024 VDN	Quý 4 2023 VND	Lũy kế đến 31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
▪ Thành phẩm đã bán	235.546.127.656	199.384.901.685	867.250.689.620	746.275.406.795
▪ Hoàn nhập và dự phòng giảm giá HTK	(14.426.611)	1.671.755.395	259.634.986	983.710.398
▪ Giá vốn khác	1.004.748.757	2.502.592.932	11.316.049.363	15.183.653.938
	236.536.449.802	203.559.250.012	878.826.373.969	762.442.770.131

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Doanh thu tài chính**

	Quý 4		Lũy kế đến	
	2024 VDN	2023 VND	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
▪ Thu nhập lãi tiền gửi	3.472.124.469	3.443.959.323	11.780.142.818	14.292.458.835

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4		Lũy kế đến	
	2024 VDN	2023 VND	31/12/2024 VDN	31/12/2023 VND
Chi phí nhân viên	1.752.184.854	830.719.073	6.912.861.258	8.822.472.727
Chi phí CCDC	69.397.456	133.118.172	216.052.834	272.315.410
Chi phí khấu hao	151.448.776	194.067.033	650.585.144	852.976.153
Thuê, phí và lệ phí	37.181.109	-	40.181.109	40.181.109
Chi phí DV mua ngoài	1.147.190.960	645.340.961	3.935.085.258	3.038.557.856
Chi phí quản lý khác	761.771.286	1.155.584.071	3.236.943.786	4.379.341.057
	3.919.174.441	2.958.829.310	14.991.709.389	17.405.844.312

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4		Lũy kế đến	
	2024 VDN	2023 VND	31/12/2024 VDN	31/12/2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	206.666.522.174	178.738.916.349	726.597.612.328	612.228.985.685
Chi phí khấu hao và phân bổ	19.351.237.650	19.432.693.488	77.330.794.283	77.907.438.909
Chi phí nhân công và nhân viên	9.193.044.092	9.557.949.658	36.593.583.146	33.722.424.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.696.434.054	10.132.864.083	50.852.238.766	43.097.166.773
Chi phí khác	1.540.523.135	1.906.146.380	6.375.668.093	7.777.565.690

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 4		Lũy kế đến	
	2024 VDN	2023 VDN	31/12/2024 VDN	31/12/2023 VND
Chi phí thuế hiện hành				
Kỳ hiện hành	4.384.907.451	3.698.881.967	10.430.449.572	9.022.779.598
Thuế dự phòng thiếu cho năm trước	-	-	-	72.008.436
	4.384.907.451	3.698.881.967	10.430.449.572	9.094.788.034
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(305.387.036)	(334.351.079)	(51.926.994)	(196.742.079)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.079.520.415	3.364.530.888	10.378.522.578	8.898.045.955

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Quý 4		Lũy kế đến	
	2024 VDN	2023 VND	31/12/2024 VDN	31/12/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.247.210.030	14.890.156.580	50.742.220.842	42.197.689.732
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.849.442.006	2.978.031.315	10.148.444.169	8.439.537.946
Chi phí không được khấu trừ	230.078.409	386.499.573	230.078.409	386.499.573
Thuế dự phòng thiếu cho năm trước	-	-	-	72.008.436
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.079.520.415	3.364.530.888	10.378.522.578	8.898.045.955

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho quý 4 kết thúc kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Lũy kế đến	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	40.363.698.264	33.299.643.777
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.023.000.000)	(3.680.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>36.340.698.264</u>	<u>29.619.643.777</u>

- (*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu kỳ quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Quí 4 kết thúc ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.851.152.751.020	1.621.122.513.990
Bán nguyên vật liệu	-	226.478.513
Cung cấp dịch vụ	263.600.240	208.223.527
Mua dịch vụ	153.768.000	-
Mua nguyên vật liệu	679.839.585.374	555.215.450.994
Cổ tức công bố	21.665.000.000	9.285.000.000
Cổ tức đã trả	21.665.000.000	21.665.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí sử dụng vỏ chai	266.496.978	367.642.829
Chi phí sử dụng kết KRX24	5.996.261.930	5.217.906.783
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dụng cụ	496.713.700	356.656.652
Mua nguyên liệu	158.765.000	418.168.780
Mua dịch vụ	1.603.913.000	902.677.000
Mua TSCĐ	536.080.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hóa	1.211.842.350	1.156.057.110
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi		
Mua nguyên vật liệu	721.450.000	303.200.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	105.894.400	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	98.564.512	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh		
Bán nguyên vật liệu	13.950.000	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	47.791.670	178.250.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	-	32.364.000
Công ty TNHH Bất Động Sản Areco		
Mua dịch vụ	47.055.750	-
Công ty TNHH MTV TM Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua dịch vụ	-	82.604.780
Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Bắc tại Ninh Bình		
Mua dịch vụ	5.738.400	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester – Chủ tịch	130.000.000	32.500.000
Ông Neo Gim Siong Bennett – Chủ tịch	-	97.500.000
Ông Văn Thanh Liêm – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Cao Thanh Bích – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Nguyễn Hồng Anh – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Vương Nguyễn Đăng Khoa – Thành viên	71.430.108	54.347.220
Ông Võ Phước Giàu – Thành viên	19.569.892	-
Ông Lê Xuân Sơn – Thành viên	-	36.652.780
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Hoàng Thanh Vân – Trưởng ban	91.000.000	91.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.580.173.935	1.985.197.534

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Quý 4 kết thúc ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	4.612.038.740	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

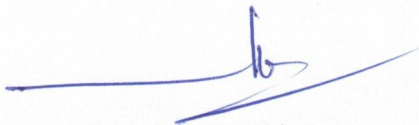
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Thông tin so sánh

Các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính năm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và thông tin so sánh cho quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính quý 4 của Công ty tại ngày và cho quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày tháng 1 năm 2025

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

